

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **31/2019/DS-ST**

Ngày 07-10-2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Biên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Minh

Ông Đỗ Đức Lâm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ka Hít - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Ngọc Anh-Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 85/2018/TLST- DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2019/QĐST-DS ngày 16/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **H**, Sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền: **T**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 157/3 đường H, phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

2. Bị đơn: Bà **K**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 77 đường T, tổ 7, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2019 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông H trình bày:

Ngày 20/9/2018, ông H cho bà K vay tiền 02 lần, cụ thể: lần 01 cho vay số tiền 113.000.000 đồng, lần 02 cho vay số tiền 330.000.000 đồng, tổng cộng 443.000.000 đồng, có lập hợp đồng viết tay, hai bên thoả thuận lãi suất tính theo mức lãi suất cho vay của hệ thống pháp luật Việt Nam, thời hạn trả ngày 30/12/2018, mục đích vay để bà K làm ăn. Ông H đã giao đủ số tiền vay trên cho bà K. Đến hạn, mặc dù ông H đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà K không trả gốc và lãi theo thoả thuận cho ông H.

Nay ông H yêu cầu buộc bà K phải trả số tiền gốc là 443.000.000 đồng, và tạm tính lãi từ ngày 20/9/2018 đến ngày 20/7/2019 là 10 tháng, cụ thể là: 443.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 10 tháng = 36.769.000 đồng.

Bị đơn bà K đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt.

Toà án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không được vì lý do bà K vắng mặt.

Sau đó, ông H có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hòa giải nữa.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu nêu trên, đồng thời yêu cầu tính lãi đến ngày 05/10/2019, số tiền là 45.961.250 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H. Buộc bà K phải trả cho ông H tổng số tiền gốc của hai lần vay là 443.000.000 đồng và lãi đến ngày 05/10/2019, cụ thể là: 443.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 12,5 tháng = 45.961.250 đồng. Về án phí buộc bà K chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bà K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền: Nguyên đơn ông H khởi kiện yêu cầu bà K phải trả tổng số tiền gốc của 02 khoản vay là 443.000.000 đồng và lãi phát sinh vì cho rằng chưa thanh toán nên phát sinh tranh chấp. Do vậy xác định quan hệ “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền của Toà án giải quyết theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đối chiếu tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình, lời trình bày của nguyên đơn thể hiện:

Ngày 20/9/2018, ông H cho bà K vay tiền 02 lần, cụ thể: lần 01 cho vay số tiền 113.000.000 đồng, lần 02 cho vay số tiền 330.000.000 đồng, tổng cộng 443.000.000 đồng, có lập hợp đồng viết tay, hai bên thoả thuận lãi suất tính theo mức lãi suất cho vay của hệ thống pháp luật Việt Nam, thời hạn trả ngày 30/12/2018 bà K có trách nhiệm phải trả cả gốc và lãi cho ông H, mục đích vay để bà K làm ăn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà K để làm rõ yêu cầu khởi kiện của ông H nhưng bà K đều vắng mặt nên không có cơ sở khẳng định phía bà K đã thanh toán số tiền vay và tiền lãi phát sinh, còn ông H khẳng định bà K chưa thanh toán số tiền gốc và tiền lãi cho ông cho ông.

Đối chiếu 02 hợp đồng cho vay cá nhân tiền cùng ngày 20/9/2018 thể hiện bà K vay của ông H số tiền là 443.000.000 đồng, thời hạn trả vào ngày 30/12/2018 nhưng đến nay không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh bà K đã trả cho ông H 02 khoản vay nêu trên nên bà K đã vi phạm nghĩa vụ đã cam kết giữa hai bên, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Trong 02 hợp đồng cho vay cá nhân tiền cùng ngày 20/9/2018 có ghi tên ông K' nhưng không có chữ ký, tại phiên toà hôm nay nguyên đơn khẳng định chỉ yêu cầu bà K trả nợ, không yêu cầu ông K' nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm của ông K' trong vụ án này.

Do vậy, Hội đồng xét xử cần buộc bà K phải trả cho ông H số tiền vay 443.000.000 đồng là có cơ sở. Ông H yêu cầu tính lãi từ ngày cho vay đến ngày 05/10/2019, cụ thể là: $443.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 12,5 \text{ tháng} = 45.961.250 \text{ đồng}$ là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc bà K phải trả cho ông H số tiền vay 443.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 20/9/2018 đến ngày 05/10/2019, cụ thể là: $443.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 12,5 \text{ tháng} = 45.961.250 \text{ đồng}$, tổng cộng gốc và lãi là 488.961.250 đồng là đúng quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận nên buộc bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm” và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với bị đơn bà K.

Buộc bà K phải trả cho ông H số tiền vay là 443.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 45.961.250 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 488.961.250 đồng (Bốn trăm tám mươi tám triệu chín trăm sáu mươi một ngàn hai trăm năm mươi đồng).

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015”.

2. Về án phí: Buộc bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.558.450 đồng.

Ông H được nhận lại số tiền 11.375.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0012924 ngày 06/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA dân sự huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Biên